TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỦ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 537/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13-05-2024.
V/v Tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc.
2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thành Công – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 13 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 84/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024 về " Tranh chấp Ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 04 năm 2024; Quyết định hoãn số: 167/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 04 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Thanh V, sinh năm: 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Số D Đường số C, ấp T, xã T, hyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Cao Thị Bé M, sinh năm: 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số D Đường số C, ấp T, xã T, hyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2023 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, nguyên đơn ông Phạm Thanh V trình bày:

Ông V và bà Cao Thị Bé M tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn vào ngày 24/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 276 quyển số 02/2012 ngày 24/12/2012. Quá trình chung sống không được hạnh phúc vì bà M đã mượn nợ đánh bài qua Internet quá nhiều lần và cầm cố tài sản rất nhiều lần khiến cuộc sống lâm vào con đường bế tắt, kinh tế gặp nhiều khó khăn và ông đã khuyên bảo rất nhiều lần nhưng bà M không thay đổi được tâm tính vẫn tiếp tục đánh bài qua mạng Internet và qua thời gian chung sống ông không thể tiếp tục sống chung với bà M nữa,

hiện tại vợ chồng đã ly thân hơn 02 năm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn ông V yêu cầu được ly hôn với bà Cao Thị Bé M.

Về con chung: có 02 (hai) con tên Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 28/01/2015 và Phạm Hoàng H1, sinh ngày: 26/05/2019. Hiện tại ông V đang trực tiếp nuôi dưỡng con gái Phạm Thị Ngọc H, còn bà M đang nuôi dưỡng con trai Phạm Hoàng H1 nên ông V đồng ý giao con chung tên H1 cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng, ông V nuôi dưỡng trẻ H, mỗi người nuôi một đứa con nên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Tôi tự nguyện chịu toàn bộ.

* Bị đơn bà Cao Thị Bé M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp giữa ông Phạm Thanh V và bà Cao Thị Bé M là "Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình". Bị đơn trong vụ án là bà Cao Thị Bé M cư trú tại huyện C, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Cao Thị Bé M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà M theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Xét về quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Thanh V và bà Cao Thị Bé M có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 276, quyển số 02/2012 ngày 24/12/2012, đây là hôn nhân hợp pháp.

Ông V nêu quá trình chung sống không được hạnh phúc vì bà M đã mượn nợ đánh bài qua Internet quá nhiều lần và cầm cố tài sản rất nhiều lần khiến cuộc sống lâm vào con đường bế tắt, kinh tế gặp nhiều khó khăn và ông đã khuyên bảo rất nhiều lần nhưng bà M không thay đổi được tâm tính vẫn tiếp tục đánh bài qua mạng Internet và qua thời gian chung sống ông không thể tiếp tục sống chung với bà M nữa, hiện tại vợ chồng đã ly thân hơn 02 năm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn ông V yêu cầu được ly hôn với bà Cao Thị Bé M.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án bà Cao Thị Bé M không đến Tòa án để giải quyết và không có bất cứ tác động nào cho thấy muốn hàn gắn quan hệ gia đình với ông V nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn với bà M của ông

V là chính đáng. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông V.

[4] Về con chung: có 02 (hai) con tên Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 28/01/2015 và Phạm Hoàng H1, sinh ngày: 26/05/2019. Ông V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con gái Phạm Thị Ngọc H và giao bà M nuôi dưỡng con trai Phạm Hoàng H1.

Hội đồng xét xử xét ông V đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H và bà M đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H1. Để ổn định tâm sinh lý của trẻ Phạm Thị Ngọc H và Phạm Hoàng H1, căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên cần giao trẻ Phạm Thị Ngọc H cho ông Phạm Thanh V trực tiếp nuôi dưỡng và giao trẻ Phạm Hoàng H1 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc ông V không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nuôi trẻ Phạm Thị Ngọc H; ông V không cấp dưỡng nuôi trẻ Phạm Hoàng H1, trong quá trình giải quyết vụ án bà M không đến tòa để trình bày yêu cầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông V tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Thanh V là được ly hôn với bà Cao Thị Bé M.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 276, quyển số 02/2012 ngày 24/12/2012 UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Phạm Thanh V và bà Cao Thị Bé M không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: có 02 (hai) con tên Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 28/01/2015 và Phạm Hoàng H1, sinh ngày: 26/05/2019.

Giao con chung tên Phạm Thị Ngọc H cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ghi nhận việc ông V không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nuôi trẻ H.

Giao con chung tên Phạm Hoàng H1 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, ông V không cấp dưỡng.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu

đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

5. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Phạm Thanh V chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2023/0019217 ngày 24/01/2024 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện Củ Chi. Ông V đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- UBND xã Tân Thông Hội, h. Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi Cục THADS h.Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

Phạm Thị Hồng Ngọc